

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 211; Điều 212 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 68/2019/TLST- DS ngày 06-3-2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành ngày về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị N, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số 485, đường Duy T, phường Duy T, thành phố Kon T, tỉnh Kon T.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị N: Chị Trần Thị P, sinh năm 1990.

(Theo giấy ủy quyền lập ngày 27/02/2019, có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường Thắng L, thành phố Kon T, tỉnh Kon T).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị N: Ông Phạm Ngọc Qu – Chi nhánh Văn phòng Luật sư Quang Phạm thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia L;

Cùng địa chỉ: Số 332, Trần Phú, phường Quang Trung, thành phố Kon T, tỉnh Kon T.

- *Bị đơn*: Ủy ban nhân dân thành phố Kon T.

Địa chỉ: Số 542, đường Nguyễn H, phường Quyết T, thành phố Kon T, tỉnh Kon T.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Kon T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc V, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về khoản tiền bồi thường: Ủy ban nhân dân thành phố Kon T, tỉnh Kon T tự nguyện bồi thường cho bà Trần Thị N tổng số tiền 380.000.000 (*Ba trăm tám mươi triệu*) đồng do cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trái pháp luật.

Thời hạn bồi thường kể từ Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015:

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền nói trên mà người phải thi hành án chậm bồi thường thì phải trả lãi đối với số tiền chậm bồi thường theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về chi phí Tố tụng: Ủy ban nhân dân thành phố Kon T, tỉnh Kon T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng tiền xem xét, thẩm định tại chỗ (Ủy ban nhân dân thành phố Kon T phải trả lại cho bà Trần Thị N).

- Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ủy ban nhân dân thành phố Kon T chịu 9.500.000 (*Chín triệu năm trăm nghìn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị N 15.000.000 (*Mười lăm triệu*) đồng đã tạm nộp án phí theo biên lai thu tiền số 0001060 ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tp. Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Tuấn